

Thị xã Gò Công, ngày 24 tháng 4 năm 2024

Số: 75/2024/QĐST-HNGĐ

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 20/2024/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2024, giữa:

- *Nguyên đơn*: Bà **Nguyễn Thị Tuyết H1**, sinh năm 1971;

Địa chỉ: Số 90/2B, khu phố 1, phường 5, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo uỷ quyền của bà Hạnh về tranh chấp tài sản: Ông **Ngô Trung H**, sinh năm 1991

Địa chỉ: Ấp Gò Xoài, xã Tân Trung, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn*: Ông **Nguyễn Hồng H2**, sinh năm 1971;

Địa chỉ: Số 90/2B, khu phố 1, phường 5, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm d khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 16 tháng 4 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 16 tháng 4 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Tuyết H1 và ông Nguyễn Hồng H2.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Tuyết H1 và ông Nguyễn Hồng H2.

- Về con chung: Không có.

- Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Tuyết H1 và ông Nguyễn Hồng H2 tự thỏa thuận phân chia tài sản chung của vợ chồng trước khi Tòa án tiến hành hòa giải và yêu cầu Tòa án ghi nhận trong Quyết định như sau:

+ Ông Nguyễn Hồng H2 chia cho bà Nguyễn Thị Tuyết H1 $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản chung với số tiền là 150.000.000 đồng (*Một trăm năm mươi triệu đồng*). Thời gian giao như sau:

. Ngày 15/9/2024, giao số tiền 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*)

. Ngày 15/12/2024, giao số tiền 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*)

. Ngày 15/12/2025, giao số tiền 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*)

+ Bà Nguyễn Thị Tuyết H1 được quyền sở hữu 01 chiếc xe Honda hiệu SH Mode, biển số 63B6-347.13 do Công an thị xã Gò Công cấp cho ông Nguyễn Hồng H2 đứng tên. Ông Nguyễn Hồng H2 có nghĩa vụ làm thủ tục sang tên chủ sở hữu chiếc xe cho bà Nguyễn Thị Tuyết H1 theo quy định pháp luật. Thời gian thực hiện khi Quyết định có hiệu lực pháp luật.

+ Ông Nguyễn Hồng H2 được quyền quản lý, sử dụng thửa đất số 474, tờ bản đồ số 3, diện tích 789,3m², loại đất ở đô thị và đất trồng cây lâu năm và căn nhà kiên cố 01 trệt, 01 lầu trên thửa đất, nội dung đăng ký biến động tại trang 3 do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã Gò Công thực hiện ngày 19/8/2016 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS00028 ngày 30/12/2015 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Tiền Giang cấp cho ông Nguyễn Hồng H2. Địa chỉ đất và nhà tại khu phố 1, Phường 5, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

- Về nợ chung: Không có.

- Về án phí:

+ Bà Nguyễn Thị Tuyết H1 tự nguyện nộp toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền 19.500.000 đồng (*Mười chín triệu năm trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000673 ngày 23/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Gò Công. Hoàn lại bà Nguyễn Thị Tuyết H1 số tiền 19.350.000 đồng (*Mười chín triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng*).

+ Ông Nguyễn Hồng H2 không phải nộp án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được Ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự; người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND TXGC;
- UBND phường 5;
- CCTHADS TXGC;
- Lưu: AV, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Bích Liễu